BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 06/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)	
		2																
		3															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	
		4																
		5															Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)	
	Chiều	6											HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)
		7																
		8											CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)
		9											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		10													CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)
Thứ 3 07/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	
		2																
		3															CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	
		4																
		5															Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)	
	Chiều	6											Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)
		7																Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)
		8											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyên (H5.407)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyên (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)
		9													Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)		
		10											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)				CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)
Thứ 4 08/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN						
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6											Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)
		7															Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	
		8											CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)
		9											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	
		10											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 09/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN						
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tình (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tình (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)
		7																
		8											CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		9													Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		
		10											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)				CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
Thứ 6 10/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)	
		2															CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)	
		3															CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	
		4															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 11/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN						
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			62TVĐL3	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 06/01	Sáng	1		HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)			HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	
		2																
		3		Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	
		4		Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)				Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			
		5					Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	
	Chiều	6	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)								HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)
		7																
		8	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)								Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)
		9	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)								Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		
		10			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)											Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)
Thứ 3 07/01	Sáng	1	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)
		2					CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)				CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)
		3	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	
		4	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)
		5					Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	
	Chiều	6			CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)				
		7			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)													
		8			Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)									CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)				
		9												Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)				
		10			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)													
Thứ 4 08/01	Sáng	1	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)		CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)
		2					CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)
		3	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)
		4	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)			Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)
		5	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)			Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)				
	Chiều	6		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)		
		7		Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)														
		8		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)		
		9			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)					CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)		
		10		Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)												Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)		

LỚP			62TVĐL3	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 09/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		
		7														Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		
		8			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)		
		9						Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)		
		10			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		
Thứ 6 10/01	Sáng	1	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)
		2		CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)														
		3	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)
		4		Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)
		5	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)												
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 11/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 06/01	Sáng	1				HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)												Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		2																
		3				Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)												
		4				CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)												
		5				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)												
	Chiều	6	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)				Hệ thống điều hòa không khí trung tâm VRV Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.302)				Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		
		7																
		8	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.103)		Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)											
		9			Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyên (H5.303)											
		10	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)											
Thứ 3 07/01	Sáng	1	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)			CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)											Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		2	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)															
		3				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)											
		4	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)											
		5				Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)												
	Chiều	6			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)						Hệ thống điều hòa không khí trung tâm VRV Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.302)				Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	
		7																
		8			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)													
		9			Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)													
		10																
Thứ 4 08/01	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)												Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		2	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)												
		3	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)													
		4	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)												
		5			CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)													
	Chiều	6					Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)				Hệ thống điều hòa không khí trung tâm VRV Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.302)				Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	
		7																
		8					CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)											
		9					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)											
		10					Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)											

LỚP			62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 09/01	Sáng	1																
		2																Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6			Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)				Hệ thống điều hòa không khí trung tâm VRV Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.302)				Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	
		7					Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)											
		8			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)											
		9					Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)											
		10			CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)											
Thứ 6 10/01	Sáng	1	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)												
		2																Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		3	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)												
		4	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)												
		5																
	Chiều	6									Hệ thống điều hòa không khí trung tâm VRV Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.302)					Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 11/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 06/01	Sáng	1		HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Điện tử công nghiệp Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Văn Tĩnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)
		2		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)											
		3																
		4		Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)											
		5				CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)											
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)		Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 3 07/01	Sáng	1		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Điện tử công nghiệp Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Văn Tĩnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)
		2				CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)											
		3		CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)											
		4		Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)											
		5																
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)		Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 4 08/01	Sáng	1		CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Điện tử công nghiệp Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Văn Tĩnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)
		2		Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)														
		3		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)											
		4		Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)											
		5		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)														
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

LỚP			63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 09/01	Sáng	1		HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Điện tử công nghiệp Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Văn Tĩnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)			Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 6 10/01	Sáng	1		CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Điện tử công nghiệp Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()			Tiếng anh chuyên ngành Đỗ Tiến Phong ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()			
		2		Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)														
		3		Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)											
		4																
		5		CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)											
	Chiều	6															Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 11/01	Sáng	1										Tiếng anh chuyên ngành Đỗ Tiến Phong ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()					
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6										Tiếng anh chuyên ngành Đỗ Tiến Phong ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()					
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 06/01	Sáng	1	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.204)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	
		2					Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	
		3										Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)					
		4					Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)				CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)	
		5									Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)							
	Chiều	6					Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn ()			Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)						
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 3 07/01	Sáng	1	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.204)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	
		2										Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)					
		3					CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	
		4					Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)				Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	
		5																
	Chiều	6					Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn ()			Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)					Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 4 08/01	Sáng	1	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.204)			CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)				Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	
		2					Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)				Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)					
		3					Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)					Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	
		4					Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	
		5					CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)					Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	
	Chiều	6					Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn ()			Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)		Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP-KT)				Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)
		7																
		8																
		9																
		10																

LỚP			63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 09/01	Sáng	1	Vi điều khiển Phạm Ngọc Anh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6					Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)				Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP-KT)				Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 6 10/01	Sáng	1		Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Máy điện Đặng Duy Thanh ()	CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	
		2					Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)											
		3					Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	
		4									CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)						CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	
		5					CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	
	Chiều	6			Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Máy điện Đặng Duy Thanh ()				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()		Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP-KT)		Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 11/01	Sáng	1			Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Máy điện Đặng Duy Thanh ()				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()				Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()		
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6			Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Máy điện Đặng Duy Thanh ()				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()				Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()		
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 06/01	Sáng	1			HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
		2			Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
		3						Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyến (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyến (H5.406)			CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)				CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)
		4			Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)					Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)		
		5						CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)					Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÒI TRƠN - LÁM MÀT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 3 07/01	Sáng	1			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
		2			Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)		Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)			CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)					
		3						Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4			Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)					Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyến (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)
		5			CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)					CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)					
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÒI TRƠN - LÁM MÀT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 4 08/01	Sáng	1			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)
		2			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)					Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)			
		3			CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)
		4			CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)
		5			Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)			Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÒI TRƠN - LÁM MÀT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)
		7																
		8																
		9																
		10																

LỚP			63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 09/01	Sáng	1			HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÀT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Võ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 6 10/01	Sáng	1	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Tạ Văn Khoa ()	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng ()	Phần mềm mã nguồn mở Kim Thị Thương ()	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2																
		3			Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		4			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)					CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)		
		5			Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)					Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
	Chiều	6																
		7	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Tạ Văn Khoa ()						Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng ()	Phần mềm mã nguồn mở Kim Thị Thương ()	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÀT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 11/01	Sáng	1	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Tạ Văn Khoa ()						Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng ()	Phần mềm mã nguồn mở Kim Thị Thương ()							
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Tạ Văn Khoa ()						Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng ()	Phần mềm mã nguồn mở Kim Thị Thương ()							
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 06/01	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Tách: Tin học-1-2-2024(N02) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-2-2024(N03) (...)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (X22.301)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TĂNG 2)					Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.107_CNTT)
		2	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)															
		3																
		4	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)														Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	
		5	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)															
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)		Tách: Tin học-1-2-2024(N02) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-2-2024(N03) Nguyễn Thị Hường (...)					Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TĂNG 2)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.207)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X22.109)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)
		7												Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)
		8												Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)
		9													Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)
		10												CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)
Thứ 3 07/01	Sáng	1	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Tách: Tin học-1-2-2024(N02) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-2-2024(N03) (...)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (X22.301)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TĂNG 2)				Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	
		2																
		3	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)															
		4	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)														Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)	
		5																
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)							Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.207)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)
		7												Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)
		8													Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)
		9												CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)
		10												Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)
Thứ 4 08/01	Sáng	1	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Tách: Tin học-1-2-2024(N02) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-2-2024(N03) (...)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (X22.301)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TĂNG 2)				Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.208)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	
		2	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)															
		3															Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	
		4	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)															
		5															Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)	
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)							Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.208)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)
		7																
		8												Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)
		9												Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)
		10														Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)

LỚP			63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 09/01	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105_Khoa SP-KT)	Tách: Tin học-1-2-2024(N02) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-2-2024(N03) (...)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105_Khoa SP-KT)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105_Khoa SP-KT)	Tiếng Nhật (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H5.101)			Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.208)
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)				Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)			Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.208)			Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)
		7													Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)			
		8												Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)
		9												Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)
		10												Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)				Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)
Thứ 6 10/01	Sáng	1	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.105_Khoa SP-KT)	Tách: Tin học-1-2-2024(N02) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-2-2024(N03) (...)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.105_Khoa SP-KT)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.105_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	
		2																
		3	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)															
		4	CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)															
		5	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)															
	Chiều	6								Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.208)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 11/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 06/01	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)					Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.208)		Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H5.103)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.207)		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP-KT)
		2																
		3																
		4							Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)				Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)				Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	
		5							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Vẽ điện Cao Thị Thu ()	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Hùng (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N06) (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Hương ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật liệu Nguyễn Việt Cường (X22.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		7	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)		Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		8	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)			Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)
		9				Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)
		10	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)				Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)
Thứ 3 07/01	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)					Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.108_CNTT)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)				Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.208)		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	
		2																
		3							Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)								Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP-KT)
		4											Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)					
		5							Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)								Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	
	Chiều	6	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Vẽ điện Cao Thị Thu ()	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Hùng (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N06) (...)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Hương ()	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Vật liệu Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)
		7								Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)								Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyên (H5.406)
		8	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)		Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)
		9	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)					Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)				
		10				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)									Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)			CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyên (H5.406)
Thứ 4 08/01	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)						Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H5.101)	Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H5.103)			Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	
		2																
		3							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
		4											Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)					
		5							Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)								Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)
		7				Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.301)									Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			
		8	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)					CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)			Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	
		9	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)			Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)
		10				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)				CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)

LỚP			64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 09/01	Sáng	1									Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H5.102)	Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.207)		Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H5.103)			Mạch điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vẽ điện Cao Thị Thu ()	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Hùng (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N06) (...)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Hương ()	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật liệu Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)
		7										CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)						
		8	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.301)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.301)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)
		9	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)							Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.203)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)				
		10				CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)			Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)
Thứ 6 10/01	Sáng	1							Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)			Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.108_CNTT)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)			Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	
		2																
		3							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)									
		4															Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
		5																
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Ktra: Vật liệu-1-2-2024(N01) Nguyễn Việt Cường (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		7														Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()	Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 11/01	Sáng	1														Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()		
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6		Vẽ điện Cao Thị Thu ()	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Hùng (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N06) (...)		Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Hương ()									Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()		
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 02: Từ 06/01 Đến 12/01/2025

LỚP			64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 2 06/01	Sáng	1	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)		Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)						
		2															
		3				Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)											
		4	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)														
		5				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)											
	Chiều	6	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP-KT)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Tách: Mạng máy tính-1-2-2024(N_T15) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN) Mạng máy tính-1-2-24(N14) Tạ Văn Khoa (H2.301_TH LR Máy tính)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	
		7		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	
		8		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	
		9		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	
		10		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.203)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			
Thứ 3 07/01	Sáng	1	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)						
		2															
		3				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)											
		4	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)											
		5															
	Chiều	6	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP-KT)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	
		7		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.203)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)				
		8		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)		CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	
		9			Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)				
		10		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)			Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	
Thứ 4 08/01	Sáng	1	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)						
		2															
		3	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)											
		4	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)														
		5															
	Chiều	6	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP-KT)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	
		7						Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)								
		8		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	
		9			Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			
		10		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)					Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)				CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	

LỚP			64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 5 09/01	Sáng	1		Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Tách: Mạng máy tính-1-2-2024(N_T15) Nguyễn Tuấn Hung (H3.111_TH THCB) Mạng máy tính-1-2-24(N14) Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)						
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP-KT)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.402)		Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	
		7								CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)			
		8		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	
		9			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	
		10		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	
Thứ 6 10/01	Sáng	1	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()					
		2															
		3				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)											
		4				Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)											
		5															
	Chiều	6	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP-KT)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	
		7													Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)		
		8															
		9															
		10															
Thứ 7 11/01	Sáng	1										Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()					
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6										Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()					
		7															
		8															
		9															
		10															